

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2026
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nam

Bà Lý Thị Minh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du – Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực
7 – Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên tham gia
phiên tòa:** Ông Hà Trọng Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực
7 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2025/HNGĐ - ST
ngày 15 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/01/2026
và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2026/HNGĐST- QĐ ngày 30/01/2026 giữa
các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Triệu Thị X, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

* Bị đơn: Anh Bàn Văn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Triệu Thị
Xuân trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Bàn Văn T kết hôn năm 2006 trên cơ
sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (cũ) vào
ngày 30/10/2006 (nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên). Thời gian đầu kết hôn hai vợ

chồng hòa thuận hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh T thường hay say rượu và không tu chí làm ăn. Chị X cũng đã cố gắng để níu kéo cuộc sống vợ chồng nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên không tìm được tiếng nói chung. Chị X và anh T đã ly thân từ tháng 03/2025 trở về đây, trong thời gian ly thân chị X và anh T không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên chị X xin được ly hôn với anh Bàn Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung gồm: Triệu Thị Y, Sinh ngày 11/10/2007 – hiện nay con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường; Triệu Tuần C, Sinh ngày 06/02/2011; Hiện đang là học sinh trường THCS P, tỉnh Thái Nguyên.

Khi ly hôn đối với con thứ nhất là Triệu Thị Y, hiện nay con đã trưởng thành do đó chị X không yêu cầu giải quyết. Đối với con thứ hai là Triệu Tuần C – chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Quá trình tố tụng bị đơn anh Bàn Văn T không có mặt và không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án.*

Do các bên đương sự không tự thỏa thuận, thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu Thị X, cho chị Triệu Thị X được ly hôn với anh Bàn Văn T.

- *Về con chung*: Giao con chung là Triệu Tuấn C, sinh ngày 06/02/2011 cho chị Triệu Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Bàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Chị Triệu Thị X khởi kiện xin ly hôn với anh Bàn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã P, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 15 tháng 01 năm 2026 Tòa án đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự. Ngày 30 tháng 01 năm 2026 Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa do vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn đối chiếu với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị X và anh Bàn Văn T kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (cũ) vào ngày 30/10/2006 (nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên). Chị X và anh T có quá trình tìm hiểu nhau trước và đi đến hôn nhân, việc kết hôn do hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn quá trình chung sống đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau,

anh T thường hay say rượu và không tu chí làm ăn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2025 cho đến nay. Chị X xác định rằng trong thời gian ly thân thì anh T không có hành động nào để níu kéo cuộc hôn nhân. Chị X xác định có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và có nguyện vọng ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị X và anh T. Thông qua việc xác minh, ông Triệu Văn Q và bà Đặng Thị T (Bố, mẹ đẻ của chị X) xác nhận chị X và anh T có mâu thuẫn từ lâu nhưng đến năm 2018 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, do gia đình không có con trai nên anh T đến ở rể theo phong tục và sống cùng nhà với bố mẹ vợ. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị X cũng đã được ông bà khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Trong thời gian ly thân, ông bà nhận thấy hai bên không quan tâm đến nhau, không hỏi han để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay anh T đi làm ăn xa, chỉ thi thoảng mới về thăm con chung.

Như vậy có đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị X và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị X đề nghị giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được HĐXX xem xét, chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung gồm: Triệu Thị Y, Sinh ngày 11/10/2007 – hiện nay con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường. Triệu Tuấn C, Sinh ngày 06/02/2011; Hiện đang là học sinh trường THCS P, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn đối với con thứ nhất là Triệu Thị Y, hiện nay con đã trưởng thành do đó chị X không yêu cầu giải quyết. Đối với con thứ hai là Triệu Tuấn C – chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Con chung Triệu Tuấn C cũng có nguyện vọng được ở với chị T.

Xét thấy, nguyện vọng của chị X phù hợp với nguyện vọng của cháu C, hiện nay cháu C đang sống với chị X tại gia đình bố mẹ đẻ của chị X và khỏe mạnh, phát triển bình thường. Trường hợp chị X, anh T ly hôn, ông bà sẽ hỗ trợ chị X nuôi dưỡng cháu đảm bảo việc ăn ở, học hành. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung được có sự chăm sóc tốt nhất và việc học tập, sinh hoạt không bị xáo trộn, HĐXX xét thấy việc giao con chung cho chị Triệu Thị X trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét.

- Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Triệu Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; Điều 227 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị X được ly hôn anh Bàn Văn T.

2. Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên là Triệu Tuấn C, Sinh ngày 06/02/2011 cho chị Triệu Thị X được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Con chung tên là Triệu Thị Y, Sinh ngày 11/10/2007 – hiện nay con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Bàn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bàn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Triệu Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001454 ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Xác nhận chị X đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh TN	01
- VKS KV7	01
- THADS tỉnh TN	01
- UBND xã T (để biết)	01
- Các đương sự	02
- Lưu hồ sơ	01
- Lưu vp	01

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Hoàng Ngọc Anh

